

Ngày	10,450 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.3%	-7.1%	50.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,685 - 12,050
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,373
Số lượng CPLH (CP)	131,353,264
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,252,510
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	0.27
EPS	335
P/E	31.2

DT thuần

Q1/24

73.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼84.5| -53.5%

YoY: ▲ 12.9| 21.3%

LN trước thuế

Q1/24

12.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.80| -36.1%

YoY: ▲ 7.99| 199%

LN sau thuế

Q1/24

12.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.80| -36.1%

YoY: ▲ 7.99| 199%

ROA

2023

1.7%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

2023

412

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 98.0| 31.1%

LN trước thuế

2023

28.9

tỷ VNĐ

LN sau thuế

2023

26.5

tỷ VNĐ

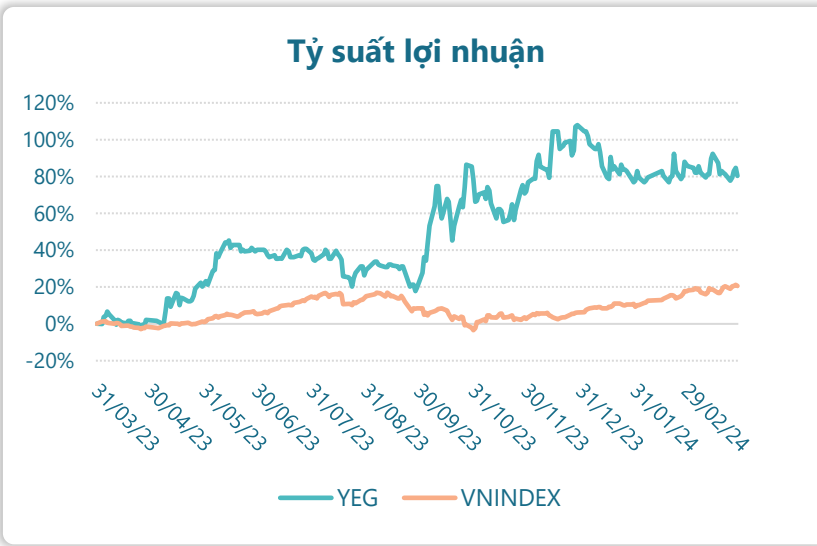
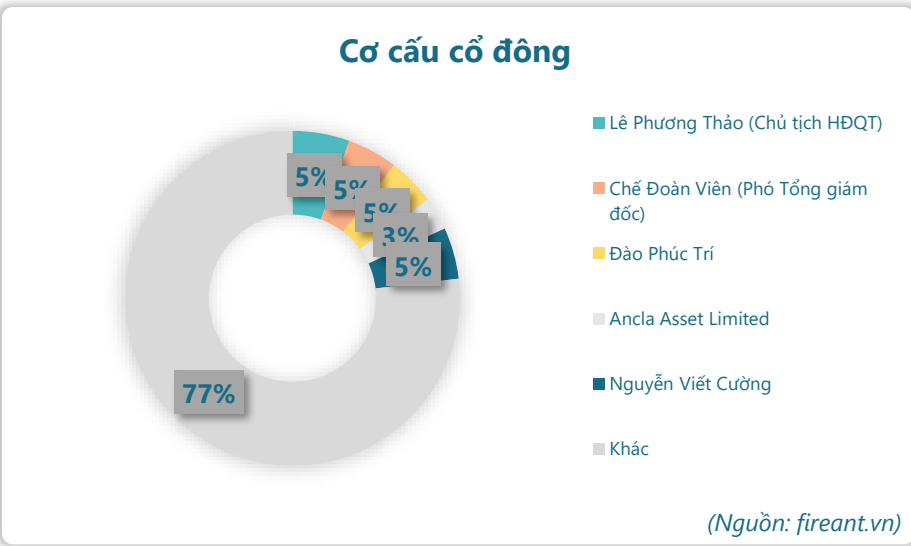
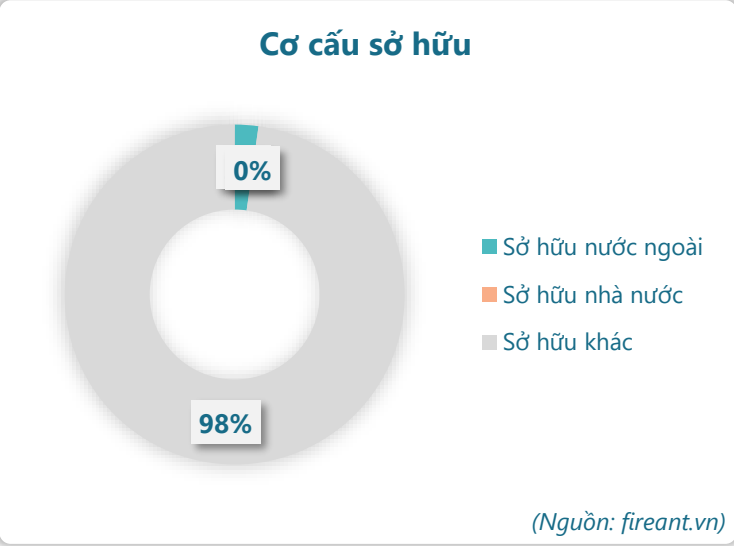
YoY: ▲ 1.60| 6.5%

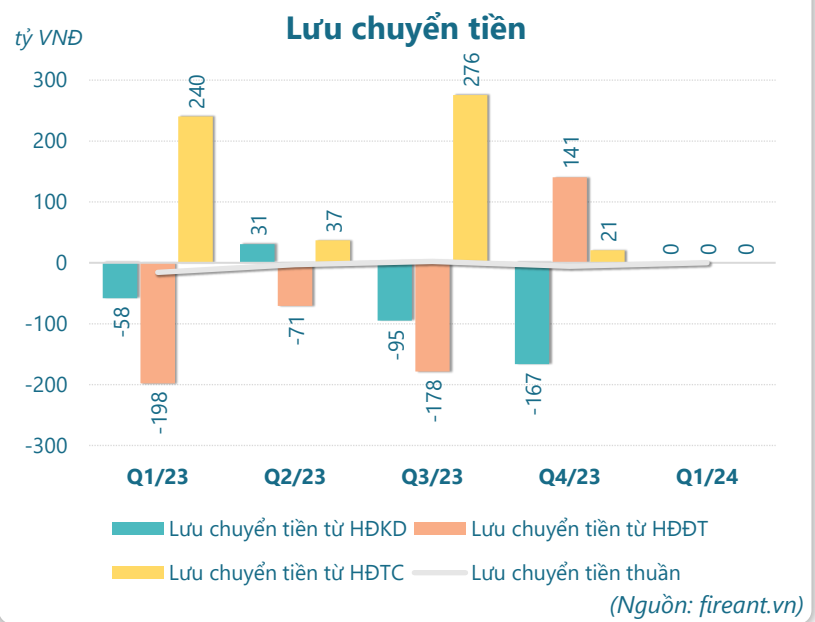
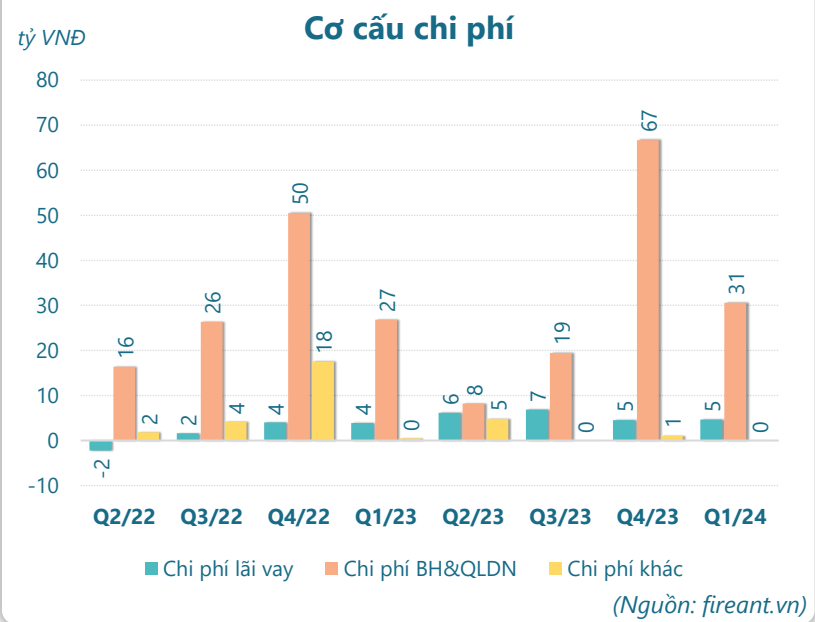
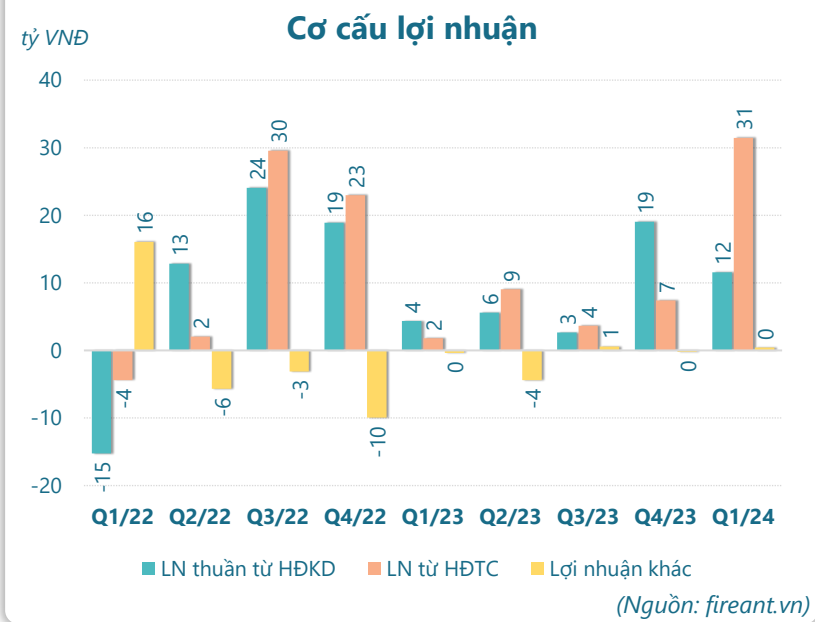
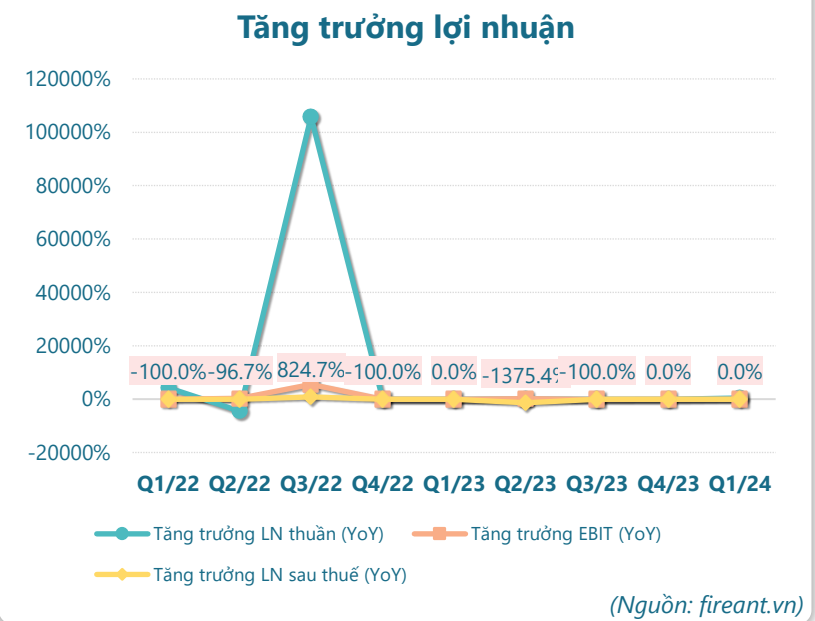
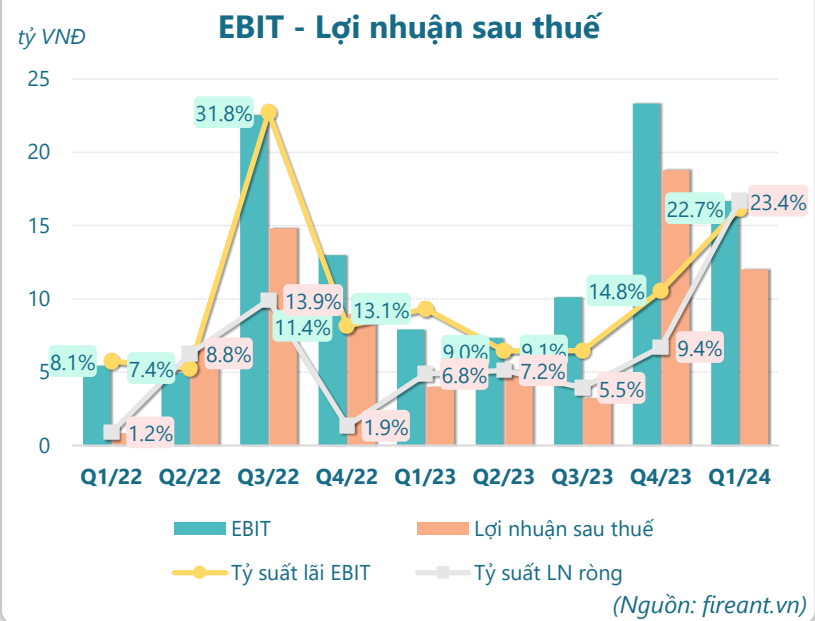
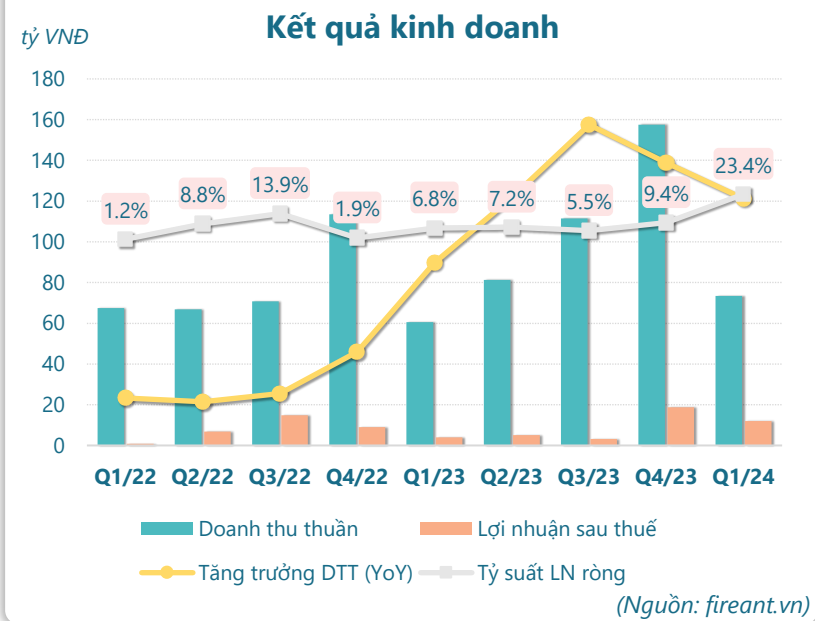
ROE

2023

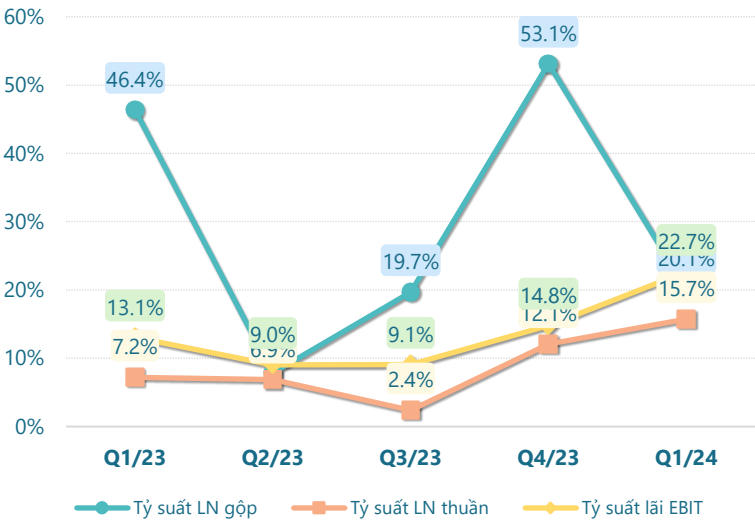
2.3%

+/- YoY: ▲ 1.1%



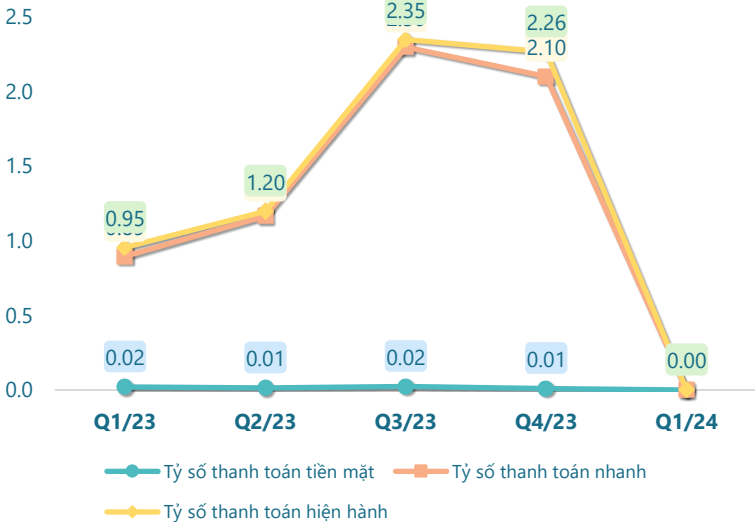


Tỷ suất lợi nhuận



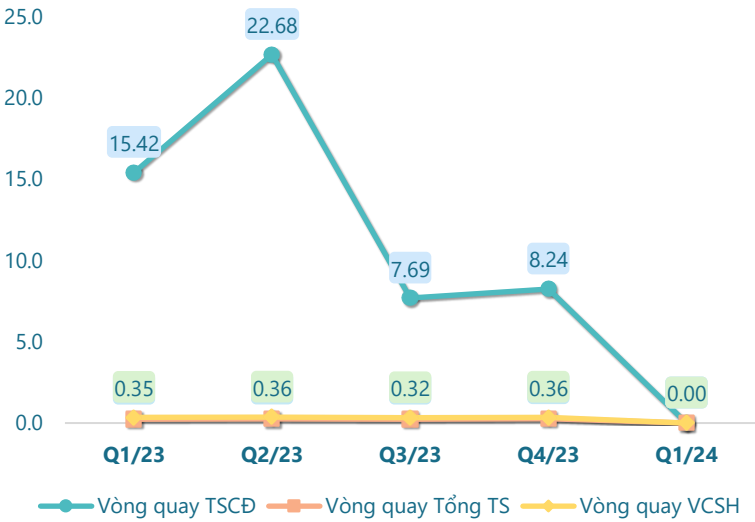
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



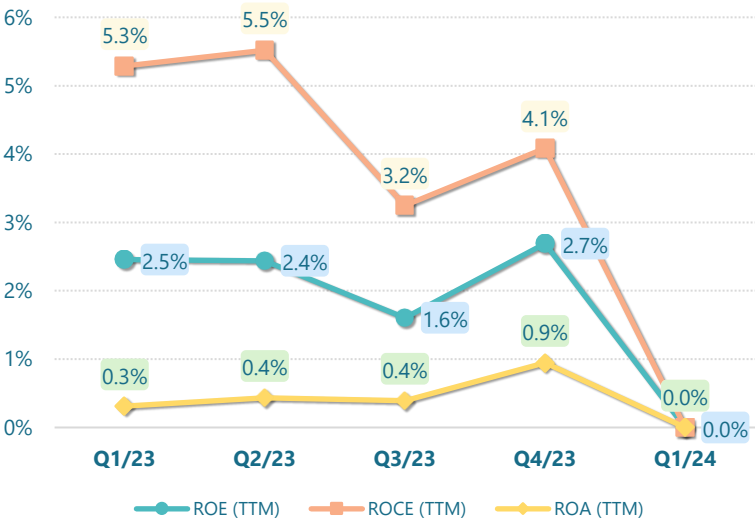
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



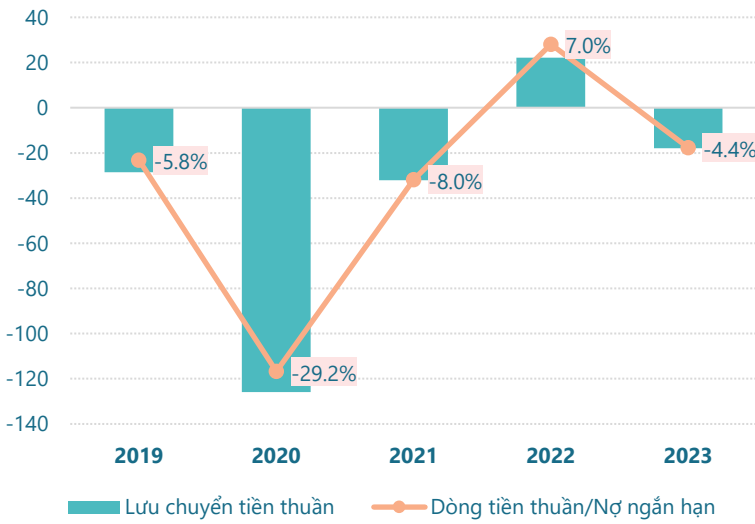
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



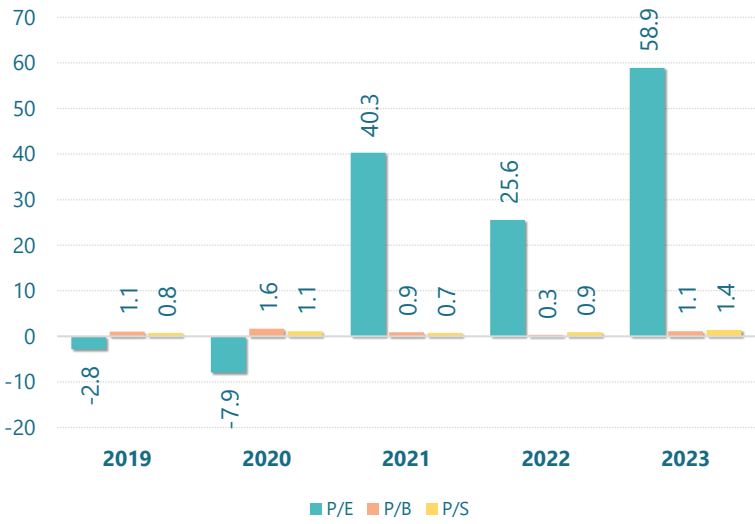
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)